

VẤN ĐỀ ĐỐI THOẠI TRONG TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI

ĐỖ THỊ CẨM VÂN

Email: camvan171085@gmail.com

Trường THCS Phan Chu Trinh, Trảng Bom, Đồng Nai

THE ISSUE OF DIALOGUE IN VIETNAMESE CONTEMPORARY HISTORICAL NOVELS

TÓM TẮT ↔ ABSTRACT

Đối thoại là thuộc tính tất yếu của liên văn bản và là vấn đề hướng đến của tiểu thuyết Việt Nam đương đại. Qua tìm hiểu tác phẩm của một số tác giả tiêu biểu của tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại (Nguyễn Xuân Khánh, Nguyễn Mộng Giác, Hoàng Quốc Hải, Lưu Sơn Minh, Nguyễn Hữu Nam,...) chúng tôi nhận thấy dù lựa chọn khuynh hướng tiểu thuyết lịch sử nào, mỗi nhà văn đều có những cách thức khác nhau để tạo ra một sức sống mới cho lịch sử, tìm thấy tính vấn đề của lịch sử và đặt lịch sử luôn cùng song hành và sống với hiện tại. Tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại viết về đề tài nào cũng mang trong mình hai lần đối thoại: đối thoại với cuộc sống đương đại và đối thoại với chính lịch sử. Tính đối thoại mở đường cho liên văn bản và tạo ra những cách tân quan trọng trong mối quan hệ giữa lịch sử và văn chương. Quá trình kết nối liên văn bản qua đối thoại trong tiểu thuyết lịch sử đồng thời khẳng định vai trò đồng sáng tạo của người đọc trong khả năng giải mã các tiền văn bản được dệt vào trong văn bản.

Từ khóa: *Tiểu thuyết Việt Nam đương đại, Tiểu thuyết lịch sử, đối thoại, liên văn bản*

Dialogue is an indispensable attribute of intertextuality, and it is also the target of contemporary Vietnamese novels. Through studying the works of some typical authors of contemporary Vietnamese historical novels (Nguyen Xuan Khanh, Nguyen Mong Giac, Hoang Quoc Hai, Luu Son Minh, Nguyen Huu Nam,...), we realise that no matter which trend of historical fiction one chooses, each writer has different ways to create a new vitality for history, find the issue of history and put history always parallel and attached to the present. Contemporary Vietnamese historical novels written on any topic have two dialogues in them; the first dialogue is with contemporary life and the second dialogue is with history itself. Dialogue paved the way for intertextuality and produced important innovations in the relationship between history and literature. The process of intertextual connection through dialogue in historical fiction simultaneously affirms the reader's co-creation role in deciphering pretexts woven into the text.

Keywords: *Contemporary Vietnamese novels, historical novels, dialogues, intertexts*

1. Đặt vấn đề

Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi và Lê Bá Hán trong Từ điển thuật ngữ văn học xác định về bản chất, “lời đối thoại trong văn bản nghệ thuật là lời trong cuộc giao tiếp song phương mà lời này xuất hiện như là một phản ứng đáp lại lời nói trước. Lời nói đối thoại bộc lộ thuận lợi nhất khi hai bên đối thoại có sự tiếp xúc phi quan phương và không công khai, không bị câu thúc, trong không khí bình đẳng về mặt đạo đức của người đối thoại” [5, tr.186], Đối thoại trong tiểu thuyết là đối thoại mang tính chất sinh tồn, là cái quyết định giá trị của lời nói. Theo ông, chữ nghĩa không có giá trị gì, nếu ta tách nó ra khỏi lời nói. Và lời nói cũng không có nghĩa lý gì, nếu ta tách nó ra khỏi đối thoại. Với Bakhtin, văn bản thực hiện không phải nhiều mà là vô số cuộc đối thoại khác nhau về rất nhiều vấn đề của cuộc sống. Là đặc trưng cơ bản của tiểu thuyết, tính nhiều tiếng nói góp phần thực hiện quá trình khơi sâu tính đối thoại và tất yếu cần phải mở rộng nó, làm cho nó ngày càng trở nên tinh tế. Chính những cuộc đối thoại này lại tiếp tục mở ra những cuộc giao tiếp đối thoại khác. Quá trình khơi sâu và mở rộng này làm cho tiểu thuyết là thể loại luôn ở thì hiện tại chưa hoàn thành.

Trong thực tiễn văn học Việt Nam đương đại, tiểu thuyết lịch sử là một trong những khuynh hướng có vị trí quan trọng. Được phản ánh bằng tư duy của tiểu thuyết, quá trình tiểu thuyết hóa lịch sử là quá trình hư cấu trên nền sự thật, là quá trình lịch sử được đối xử như một chất liệu nghệ thuật. Khi hư cấu, tiểu thuyết lịch sử phải tính đến những giới hạn của nó nhằm tạo ra những giả định lịch sử để kích thích đối thoại và tạo ra những quan niệm mới. Nhà tiểu thuyết đặt lịch sử trong tính giả định, tính trò chơi và tính đối thoại. Tiêu biểu cho cấp độ xử lý chất liệu lịch sử này phải kể đến những tác phẩm: Giàn thiêu (Võ Thị Hào), Mẫu Thượng ngàn (Nguyễn Xuân Khánh), Trần Khánh Dư (Lưu Sơn Minh), Bão táp triều Trần (Hoàng Quốc Hải),... Tiểu thuyết lịch sử ở Việt Nam dù đi theo khuynh hướng nào cũng mang trong mình hai lần đối thoại: đối thoại với cuộc sống đương đại và đối thoại với chính lịch sử. Tiểu thuyết lịch sử tạo ra sự phức tạp của quá trình đọc, kích thích sự thưởng thức đầy hứng thú thâm mĩ của người đọc.

2. Đối thoại các vấn đề của xã hội đương thời

Tiểu thuyết lịch sử không đơn thuần chỉ là câu chuyện của lịch sử. Những câu chuyện lịch sử được thực hiện trong sự kết nối câu chuyện của văn hóa và các vấn đề xã hội khác có liên quan. Đối thoại liên văn bản trở thành đối thoại liên văn hóa. Bằng cách thay thế, biến đổi những giá trị nguồn có trong văn bản trước đó, văn bản mới đã chất vấn, đối thoại trên nhiều lĩnh vực văn hóa xã hội nhằm hướng tới những giá trị mới trong văn cảnh mới. Trong tiểu thuyết Trần Khánh Dư, Lưu Sơn Minh viện dẫn ngắn gọn

câu chuyện của Bá Nha và Tử Kỳ để nói đến tình bạn của Hoàng Phủ Tín và Triệu Ngọc Đường nhưng còn là sự đối thoại lại, chất vấn lại với các sự việc xảy ra trong mối quan hệ tình bạn đã trở thành điển tích “Triệu Ngọc Đường thốt lên: “Có người hỏi đệ, phải chăng bản Cao Sơn lưu thủy này là người sau tự làm ra nhân chuyện cũ Bá Nha – Tử Kỳ? Lại có người đoán, phải chăng cầm phở kia đã bị cao thủ nào ra tay sao chép lại mà Bá Nha không biết” [9, tr.47]. Hoàng Phủ Tín ngà ngà bật cười “Huynh chẳng khi nào suy nghĩ sâu xa về những việc đó. Nay Ngọc Đường đệ, hãy cứ coi chuyện cũ chỉ là một đoạn cổ sự xa vời. Đàn người, người gảy. Rượu ta, ta uống. Biết nay mai trên đường lang bạt, ta có còn khi nào gặp lại được nhau.” [9, tr.47-48]. Trong Bão táp triều Trần, cuốn Huyền Trân công chúa, tác giả đánh giá cao văn hóa của nước Chiêm Thành thông qua nhìn nhận của nhân vật Trần Khắc Chung “Câu hôn là đạo thường trong thiên hạ xưa nay. Thuận thì gả, không thuận thì thôi. Vậy mà các ông lằng mọ dân tộc người ta một cách quá đáng. Mỗi nước có một phong tục tập quán riêng, có một nền văn hóa riêng, có tín ngưỡng riêng. Hà có gì, người ta không giống mình lại gọi người ta là man di. Tôi thấy các ông thuần nói theo cái giọng điệu của bọn nhà Tống, nhà Nguyên đối với nước ta để gán cho nước Chăm. Chúng ta là một nước có văn hiến, nên ta khinh bỉ bọn người gọi ta là man di, là địch quốc. Chữ “man” có bộ “trùng”, chữ “địch” có bộ “khuyên”, tức là nó coi chúng ta như loài sâu bọ, chó má. Vậy là ta đã đánh cho chúng bao phen thất điên bát đảo, mảnh giáp không còn. Chiêm Thành là một quốc gia độc lập, có nền văn hiến cao. Hãy cứ xem đền tháp, tượng thần, tượng Phật của họ tinh xảo, mỹ lệ đến chừng nào. Chỉ vài ba trăm người thất tán sang đây, trình diễn vũ, nhạc cũng làm chúng ta rúng động, cảm phục. Ai dám bảo Chiêm Thành là một nước không có lễ, không có đạo? Đừng thấy người ta không thờ cúng ông bà mà coi nước người ta không có đạo. Chẳng qua chúng ta theo tín ngưỡng truyền thống của dân tộc, nên ta thờ cúng tổ tiên, để nhớ lại cội nguồn của mình. Đạo Phật ta theo, người Chăm cũng theo. Người Chăm còn có đạo lớn thứ hai, được xem là quốc đạo. Tức đạo Bà-la-môn. Đạo ấy quy ước người chết thì thiêu xác để linh hồn chóng được lên cõi thượng giới. Vậy người ta cũng có cái lý của người ta, sao lại bảo là vô đạo, là bất hiếu. Cái gì tồn tại được là đều có nguyên do. Cái gì ta chưa biết được thì đừng cho là nó bậy, đừng có báng bô.” [3, quyển 5, tr.189-190]. Vậy là thông qua sự đánh giá cao văn hóa của Chiêm Thành để chỉ ra những sai lầm trong văn hóa ứng xử của người Việt khi nhìn nhận và đánh giá Chiêm Thành. Đây là một biểu hiện cụ thể của tính đối thoại.

Trong Tám triều vua Lý, quyền Thiên sư dựng nước, Hoàng Quốc Hải bàn luận về vấn đề mang tính xã hội: căn cốt của sự ổn định quốc gia. Theo vua

Thuận Thiên “căn cốt đó là bộ máy nhà nước” [4, quyển 1, tr.434], “tức những người cầm quyền” [4, quyển 1, tr.434], “sao cho vừa đủ, không nhiều quá dễ gây công kèn, chông chéo mà tốn kém. Cũng đừng ít quá để bê bối không làm hết việc. Nhưng quan yếu hơn cả là phải tận dụng được hầu hết nhân tài trong nước.” [4, quyển 1, tr.434], “đường thịnh nghiệp có rất nhiều ngã, rất nhiều cách khác nhau để đưa quốc gia tới chỗ giàu mạnh. Nhưng suy vong thì chỉ có một nẻo thôi. Vì vậy, sự suy vi sụp đổ nó mau hơn sự hưng thịnh. Nẻo đó là gì? Là bắt đầu từ sự xa lìa người tốt, thân cận với kẻ xấu. Ghét người nói thẳng, ưa kẻ xu nịnh. Ngại gian khó, đắm chìm trong các lạc thú trần gian. Như vậy không chỉ sụp đổ cơ nghiệp tổ tông mà còn có nguy cơ mất nước.” [4, quyển 1, tr.434]. Những căn cốt trên có giá trị ngay cả với xã hội đương đại. Những đối thoại trên không chỉ mang chức năng đánh giá lại mà còn có chức năng bàn lại các vấn đề của xã hội hôm nay.

Nguyễn Xuân Khánh đối thoại văn hóa với Mẫu thượng ngàn, Hồ Quý Ly, Đội gạo lên chùa. Thao tác trích dẫn không đơn thuần chỉ là trích dẫn, mà nó còn là sự phân tích, phản biện, lật ngược lại vấn đề. Đối thoại và phản biện còn nhằm đưa ra các triết lý sống, sự trần trụi suy tư về cuộc đời, về lẽ sống: “Trần gian này là mớ bòng bong, cùng với bao nhiêu thế lực. Người ta vật lộn cắn xé nhau mãi mãi” [6, tr.243], “Chúng ta chỉ như những mầm mống nhỏ nhoi trong tay con tạo... Hạt mầm sinh ra từ cây cỏ thụ. Gặp duyên mầm sẽ bùng xanh, để rồi đi tới úa vàng, nhưng lại thay thế bằng một mầm mới. Một trận gió sẽ cuốn mầm đi. Có thể mầm sẽ bay đến vùng đất màu mỡ mới và sẽ tái sinh. Nhưng cũng có thể mầm bị rơi vào một hốc tối tăm nghèo kiệt, để rồi ẻo uột tan rữa ra ở đây ... Biết làm sao được! Thôi thì hãy phó mặc cho con tạo xoay vần...” [6, tr.243].

Nhiều vấn đề văn hóa trong tiểu thuyết được nhà văn chú ý. Đó là văn hóa ẩm thực, Nguyễn Hữu Nam trong Huyền Trần cung cấp khá nhiều tri thức về văn hóa ẩm thực, văn hóa dân gian, về lễ nghi, phong tục,... Đó là văn hóa của trò chơi dân gian: “ô ăn quan, oẳn tù tì, bịt mắt bắt dê, ú tim, nhảy ngựa, trồng hoa trồng nụ, đánh chuyền, rần xin thuốc...” [10, tr.42]. Điều đáng chú ý là nhà văn thuyết minh tường tận cách chơi trò chơi, không khí dân gian càng tô đậm khi trong văn cảnh còn được đặt vào những câu hát dân gian, những bài đồng dao. Đó là thuyết minh về văn hóa ẩm thực: nhiều món ăn dân dã được thuyết minh tường tận về nguồn gốc, cách chế biến, thưởng thức: Bánh cuốn Thanh Đàm, bánh sakaya, Hoàng Quốc Hải thuyết minh về cách ướp trà sen [4, quyển 2, tr.185].

Hướng sự quan tâm đến những khả năng có thể của lịch sử, nhiều nhà văn đã đặt lịch sử trong sự vận động

không ngừng của nhận thức, biến cái tưởng chừng như đã xong xuôi, đã hoàn thành, đã cố định trong sự chất vấn, đối thoại, suy nghĩ, nghiền ngẫm câu chuyện của quá khứ trong tư duy nhận thức của bối cảnh cuộc sống hôm nay. Lịch sử không còn là sự kiện, những con số, mà đã được tái tạo, tái sinh và kết nối những thông điệp mà con người đương đại đang quan tâm.

3. Đối thoại với lịch sử

Tính chất văn chương độ hai mà Genette chỉ ra chính là một trong những đặc trưng nổi bật nhất của tiểu thuyết lịch sử. Đó là quá trình mô phỏng lịch sử thời đã qua và cụ thể hóa lịch sử đương đại. Điều này có nghĩa, sự hấp dẫn của tiểu thuyết lịch sử không chỉ nằm ở sự diễn giải mới đối với lịch sử mà còn là sự nối kết hai chiều giữa quá khứ và hiện tại. Như vậy, ngôn ngữ tiểu thuyết lịch sử là diễn ngôn mang tính hiện đại - điều mà khoa học lịch sử không thể làm được. Với tính chất diễn ngôn hiện đại đó, một lần nữa, tất yếu dẫn đến quá trình đối thoại, phản biện lại với lịch sử. Không phải cái gì của người xưa cũng đã được lưu lại, được tả lại, kể lại đầy đủ, chi tiết. Vì thế sự suy đoán, tưởng tượng,... cao hơn nữa là sự phản biện, đối thoại chính là cơ hội để nhà văn xây dựng tính chất tiểu thuyết cho lịch sử.

Nhân vật Hồ Quý Ly là một nhà cải cách lớn nhưng bi kịch của ông là không được lòng dân và cho đến nay, vẫn còn có rất nhiều những tranh luận về vai trò lịch sử của nhân vật này. Nguyễn Xuân Khánh tiếp tục lật xới vấn đề để cùng người đọc cùng suy ngẫm về các tư tưởng cách tân và bảo thủ, sự thành - bại trong những thời khắc lịch sử quan trọng của Hồ Quý Ly. Giả sử công cuộc canh tân đất nước của Hồ Quý Ly được thực hiện thành công thì vai trò của ông đối với nhà Hồ cũng như vai trò của Trần Thủ Độ đối với triều Trần, nhưng sự canh tân của Hồ Quý Ly cực đoan, bảo thủ đến mức đốt cháy giai đoạn và chính điều đó khiến ông tính nhầm nước cờ của lịch sử. Nếu lịch sử nhìn nhận Hồ Quý Ly “cái tội làm mất nước Nam, thì ai gánh vác cho Quý Ly?” [8, tr.184]. Đây là phán xét rành rành của lịch sử, không thể biện minh. “Nhà Trần là ai? Xưa kia đích thực họ anh hùng; còn bây giờ, toàn bộ bọn chúng chỉ là lũ sâu mọt ức hiếp dân. Hồ Quý Ly là ai? Ông ta mưu mô xảo quyệt; rất làm những chuyện phiến hà.” [6, tr.241]. Tuy nhiên, Nguyễn Xuân Khánh xây dựng Hồ Quý Ly ngoài đảm bảo đúng với chính sử thì tác giả khắc họa nhân vật này trong bi kịch của những nội tâm, dù ông là người có tội, nhưng cái công của Hồ Quý Ly không phải là không có. Nguyễn Xuân Khánh đã có lúc, có nơi trong tác phẩm nhìn một cái nhìn công bằng cho nhân vật này: “Quý Ly là người giàu óc thực tế” [6, tr.221]; “Vì những lý do ấy, việc tìm người chỉ huy quân đội lúc này. Quý Ly làm rất công tâm. Vốn có tài nhìn người và dùng người, Quý Ly luôn để mắt đến

những vị quan trẻ.” [6, tr.221]. Trong cuộc đối thoại của Hồ Nguyên Trừng và Hồ Quý Ly “Tôi thấy ánh mắt của cha đang nhìn tôi như cầu khẩn... và tôi chợt nhận ra nỗi cô đơn khủng khiếp của người... bảo là nỗi cô đơn của kẻ thoán nghịch cũng được... bảo là nỗi cô đơn của kẻ làm một việc lớn cũng được...” [6, tr.98]. Nguyễn Xuân Khánh, đã đặt Hồ Quý Ly trong nhiều mối quan hệ phức tạp của gia đình và xã hội, khai thác nhân vật ở nhiều phương diện: một vị cầm quyền văn võ song toàn, tinh tế, sâu sắc nhưng đầy tham vọng, quyết đoán, táo bạo; một người cha yêu thương con, một người chồng đầy trách nhiệm. Ở góc độ lịch sử, đây là “kẻ thoán nghịch”, nhưng ở tính tiểu thuyết của lịch sử, con người ấy được nhìn nhận là một kẻ sĩ đầy tâm huyết trong công cuộc canh tân đất nước bằng tinh thần sáng tạo, quyết đoán, vượt ra khỏi những tư tưởng và thành kiến cũ. Từ những điều được đặt ra này, giá trị tư tưởng còn có ý nghĩa cho cuộc sống đương đại hôm nay. Quản lý đất nước, ở góc độ nào đó, cũng cần có những phẩm chất đáng quý của Hồ Quý Ly. Đó là tinh thần dám làm dám chịu, đổi mới là nhu cầu tất yếu hợp với quy luật của lịch sử, phải biết chấp nhận những “con đau đẻ kéo dài” của cuộc chuyển vận nhưng điều quan trọng nhất là phải giữ bản sắc văn hóa của dân tộc. Tuy nhiên, những bi kịch và sai lầm dưới thời đại Hồ Quý Ly đến hôm nay vẫn là bài học kinh nghiệm cho những người chủ trương đổi mới bằng mọi giá hay bảo thủ một cách mù quáng. Như vậy, Hồ Quý Ly không chỉ là câu chuyện của lịch sử, mà qua lịch sử để đối thoại với câu chuyện đất nước, xã hội hôm nay.

Đối thoại với lịch sử còn được thực hiện bằng việc đánh giá cao vai trò của lịch sử. Nguyễn Xuân Khánh viết trong tiểu thuyết Hồ Quý Ly “Sử là hồn núi hồn sông. Sử là tinh túy của đất nước. Dân tộc nào biết chép sử càng sớm, càng có nhiều cơ hội văn hiến. Dân tộc nào càng biết quý trọng đến sử càng có nhiều cơ hội trường tồn. Thịnh đấy! Suy đấy! Chẳng vì thịnh mà kiêu, chẳng vì suy mà nản. Cứ bên lòng nhìn vào sử như tự ngắm mình trong một tấm gương. Ngắm để vẽ, để tô, để sửa, ắt khuôn mặt càng dễ ưa, dễ coi. Hồn núi ở đó, hồn sông cũng ở đó.” [6, tr.40]; triết lý và sự trăn trở của Sử Văn Hoa khi viết sử hay là triết lý sống còn của người cầm bút “Ta là kẻ dùng cây bút, dùng ba tác lưỡi để hé nhìn tương lai, để sống ở đời, để làm bạn với vua chúa. Chỉ một chữ thôi, chỉ một câu nói thôi, ta có thể làm xổng xích một bạo chúa, hoặc có khi ngăn chặn một cuộc chém giết... Sống ư? Chết ư? Ta hàng ngày sống cận kề với chúng, cái chết của người đời và ngay cả cái chết của ta.; đối thoại và phẩm bình các bức tranh tứ bình vẽ bốn hiền thần đời xưa” [6, tr.85]; quan niệm về lịch sử dưới góc nhìn của Quý Ly: “Lịch sử như những đợt sóng diên rồ, quần quai, hung dữ xô ầm ầm vào nhau để rồi tan hòa vào nhau cho đến lúc một thời thái hòa được thiết lập...” [6, tr.184].

Nguyễn Xuân Khánh cho các yếu tố lịch sử xuất hiện trong sự phân tích, đánh giá từ điểm nhìn của nhân vật: “Ở nước Đại Việt ta, bác đã thấy triều đại nào được dựng lên từ một cuộc nổi loạn? Ví dụ như Lý Công Uẩn dựng lên nhà Lý, bản thân ông ta vốn là đại thần của Lê Đại Hành. Rồi nhà Trần cướp ngôi nhà Lý do tay Trần Thừa và Trần Thủ Độ, các ông này cũng giữ chức cao trong triều đại cũ. Còn như cuộc nổi dậy của bác, chúng ta chỉ là những người dân cày bắt đực chí...” [6, tr.241]. Đây chính là sự đối thoại của chính nhân vật vào những vấn đề thuộc về lịch sử nhằm đưa ra những nhận định, quan điểm về lịch sử. Quá trình đối thoại diễn ra trong điểm nhìn của nhân vật trong tác phẩm, nhằm tạo ra tính khách quan cho lời kể. Yếu tố lịch sử xuất hiện trong sự luận giải: “Ngay ở triều đại nhà Trần ta, đức Trần Nhân Tông, hai lần đánh thắng giặc Nguyên hung bạo. Vua nhân từ, thân dân, nên cả nước một lòng tin theo. Về già, vua tu hạnh đầu đà, sống đạm bạc, đi chân đất trải khắp miền đất nước. Đó là vị vua đại anh minh, chưa từng thấy. Dưới thời ông, đất nước thịnh trị... không một tiếng oán hờn. Được như vậy, tất cả dựa vào chữ Vô dật.” [6, tr.356-357]. Vậy là triết lý Phật giáo được minh chứng bằng việc viện dẫn các nhân vật và sự kiện lịch sử. Thao tác đánh giá này là thao tác thường xuyên được thực hiện trong tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Xuân Khánh. Bằng hình thức kết nối này, biên độ của tư liệu lịch sử không phải chỉ là thời điểm hiện tại, mà nó nối kết với nhiều vấn đề lịch sử đã xuất hiện trước đó nhiều thế kỉ hoặc gần ngay đó, không phải chỉ là yếu tố lịch sử của Việt Nam, mà còn có sự xuất hiện rất nhiều yếu tố lịch sử của đất nước Trung Quốc: “phàm những ai ở ngôi chí tôn, lúc nào cũng cần nhớ đỉnh ninh bốn chữ “Vô dật, nãi dật”, bởi vì càng ở ngôi cao người ta càng có nhiều điều kiện hưởng lạc. Kiệt Trụ vì ham lạc thú nên thân bại danh liệt, bêu tiếng xấu ngàn thu. Các vua Trung Tông, Cao Tông, Tô Giáp vì hiểu và thi hành bốn chữ ấy nên được hưởng ngôi báu dài lâu.” [6, tr.356]. Như vậy, yếu tố dẫn sử trở thành dẫn chứng cho ngôn ngữ lập luận, là minh chứng nhằm cụ thể hóa quan điểm của nhà văn. Thao tác lập luận trên ngoài việc làm cho lập luận chặt chẽ, khoa học và có tính thuyết phục cao thì nó còn có chức năng mở rộng biên độ của văn bản, đưa độc giả đến lãnh thổ của nhiều giai đoạn khác nhau và có thêm tri thức. Tính chất nối kết liên văn bản này có thể xem là một trong những đặc điểm nổi bật của tính liên văn bản trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại.

Thế giới tiểu thuyết Nguyễn Xuân Khánh bộn bề những trích dẫn. Nơi hằn rõ dấu vết của sự hấp thụ và chuyển thể các văn bản lịch sử và văn chương nghệ thuật. Nhìn ở cấp độ ngôn từ, trên bề mặt văn bản, có thể dễ dàng nhận ra sự xuất hiện dày đặc chất liệu lịch sử trong tiểu thuyết. Nguồn sử liệu chính trong Hồ Quý Ly được lấy từ các công trình lịch sử trung đại:

EDUCATION

Đại Việt sử kí toàn thư (Ngô Sĩ Liên chủ biên), Khâm định Việt sử thông giám cương mục (Phan Thanh Giản chủ biên). Bản phá hệ về quan hệ giữa nhà Hồ và nhà Trần cuối tiểu thuyết lấy từ cuốn Cái cách Hồ Quý Ly (Phan Đăng Thanh - Trương Thị Hòa). Mẫu Thượng Ngàn trích dẫn nhiều văn bản: tởi hậu thư của thiếu tá người Pháp Henri Rivière gửi tổng đốc thành Hà Nội Hoàng Diệu ngày 25 tháng 4 năm 1882, thư của nhà chính khách Pháp Jules Ferry, thống đốc Le Myre de Viler, thư của Henri Rivière gửi Alexandre Dumas con, chỉ dụ tháng 7 năm 1861 của vua Tự Đức... Đợi gạo lên chùa trích dẫn nhiều điển ngôn lịch sử một thời đóng vai trò chính yếu trong hành ngôn đại chúng của xã hội. Dùng các sử liệu trong văn bản quá khứ là cách nhà văn làm tăng thêm yếu tố chân thực như một dẫn dụ về lòng tin của độc giả khi viết tiểu thuyết lịch sử. Những trích dẫn đã mang lại tính xác thực của yếu tố lịch sử cho tiểu thuyết. Đồng thời, cứ liệu lịch sử xuất hiện bên cạnh chân dung nhân vật tạo nên không khí thời đại, dẫn dắt người đọc đến với không gian nơi câu chuyện diễn tiến.

Nguyễn Mộng Giác đối thoại với chính lịch sử mà mình đang viết tiểu thuyết “Nhưng giả sử thời đại bình yên kéo dài của nhà Nguyễn được dựng trên cái nền công bằng hơn, trên có vua sáng, quan lại thanh liêm, chính sách thuế khóa hai bên đèo Hải Vân không có sự chênh lệch, vương phủ và các dinh trấn không sống xa hoa đến nỗi đặt đủ thứ mảnh khước bóp hầu bóp họng dân nghèo, thì liệu có cuộc khởi nghĩa ở Tây Sơn thượng hay không? Nếu Trương Phúc Loan không thích chơi vàng ở lầu Phấn dương, nếu chúa Nguyễn chịu tha cho dân một vài món thuế vật như tiền tết, tiền com mới, hạ bớt thuế ruộng đất, chẻ các loại gấm đoạn và sơn hào hải vị đem từ bên Tàu sang, thì tình thế lúc bấy giờ sẽ thế nào? Những chữ nếu làm rắc rối thêm chiều hướng lịch sử vốn đã phức tạp, nhưng chúng ta không thể nào hiểu được con bạo đã làm lay động dữ dội xã hội Việt Nam thế kỷ 18 nếu – lại chữ nếu – sợ hãi né tránh như các sử quan nhà Nguyễn, hoặc tự đặt vào mê lộ của những hiện tượng bên ngoài.” [2, quyển 2, tr.400]. Nguyễn Mộng Giác còn tạo ra tính đối thoại của ông giáo và học trò Huệ, những đối đáp của hai thầy trò, là cái cơ để đối thoại với nhiều vấn đề khác nhau, trong đó có lịch sử “Nhiều lần con muốn hỏi thầy, nhưng sợ thầy giận. Tại sao ta không học sử nước mình mà lại tụng lâu lâu Bắc sử? Tại sao không học chữ nước mình? [2, quyển 1, tr.174], “Trước hết, con hãy học chữ ta cho thông đã. Sau đó mới học cho biết thêm chữ Nôm. Nhưng sách Nôm không có nghĩa lý gì cao thâm đâu. Toàn những chuyện phong tình, ngâm vịnh cho qua thì giờ đó thôi!” [2, quyển 1, tr.174]

Hoàng Quốc Hải trong Báo táp triều Trần mượn câu chuyện của Khổng Tử để bày tỏ trực tiếp suy nghĩ đối

với lịch sử của nước nhà “Các con à, những thứ này là của người Trung Hoa. Thật ra đây là thứ văn chương dân gian, nước nào cũng có. Chẳng qua ở bên Tàu có ông Khổng Tử bỏ công ra sưu tầm, san định và truy tầm nguồn gốc rồi giải thích cặn kẽ. Cha thật lấy làm hổ thẹn, đất nước mình dòng giống Lạc Hồng mà từ thuở dựng nước tới nay đã mấy ngàn năm, cũng không có lấy nổi bộ quốc sử. Mãi mãi cứ lải nhải về một cái ông tổ là Bàn Cổ. Họ dạy ta: “Bàn Cổ thủ xuất thủy phán âm dương tứ hội khai thiên” [3, quyển 1, tr.206], “Thật lộng ngôn và ngạo mạn. Làm gì có người nào lại sinh ra trước cả vũ trụ. Thế nhưng từ đời nọ qua đời kia, ta cứ dài cổ ra mà học. Thật tủi hổ cho cả một dân tộc con à. Đời cha chắc lỡ rồi. Các con gắng học hành để làm rạng danh nòi giống, và san lấp những gì còn khuyết hãm trong nền văn hiến nước nhà. Nếu các con tận lực cũng chưa làm nổi, thì di ngôn lại cho con cháu đời sau phải làm.” [3, quyển 1, tr.206]. Như vậy, lời đối thoại trên không đơn thuần chỉ là lời đối thoại của nhân vật với nhân vật trong tác phẩm, của cha với con, mà là lời đối thoại xuyên thời gian có giá trị cho bối cảnh của xã hội đương thời. Đối thoại, phản biện bằng lời nói trực tiếp, những trích dẫn trên tạo ra sự đối thoại trực tiếp với người đọc trong tư duy nhìn nhận tính đúng đắn mà văn bản đề cập đề từ đó thực hiện sự tham chiếu đối với cuộc sống đương thời.

4. Kết luận

Tiểu thuyết lịch sử đương đại sinh ra trong lòng của bối cảnh xã hội mới. Nó đòi hỏi nhà văn đi qua yêu cầu của lối văn chương tô hồng và xiển dương chính trị. Tiểu thuyết lịch sử hiện nay được viết thông qua hệ thống nhiều điểm nhìn của nhiều nhân vật, mang đậm điển ngôn trần thuật của con người đời thường, loại trừ điển ngôn của sử học, điển ngôn chính trị. Muốn thế, nó bắt đầu phá bỏ những đại tự sự, chú ý đến tiểu tự sự, chú ý đến con người cá nhân và những chuyển biến nội tâm của họ. Trong quá trình chú ý đến con người cá nhân và chuyển biến nội tâm đó, nhà văn đồng thời tiến hành quá trình đối thoại, chất vấn lại bằng việc đặt ra câu hỏi phản biện lịch sử mà rộng hơn là cả văn hóa, xã hội. Nhà văn có thể đề xuất một cách nhìn mới về một sự kiện lịch sử đã qua, từ đó chỉ ra ý nghĩa của quá khứ đối với hiện tại qua việc phát hiện các tác động tích cực và cả các tác động tiêu cực mà quá khứ đặt trên hiện tại. Dù động cơ khác nhau nhưng đích cuối cùng vẫn là tạo ra một sức sống mới cho lịch sử, mang lại cho lịch sử chất nhân văn sâu đậm để lịch sử luôn cùng song hành và sống với hiện tại. Đồng thời, tạo được một bước cách tân quan trọng trong mối quan hệ giữa lịch sử và văn chương. Quá trình kết nối LVB trong tiểu thuyết lịch sử không thể không kể đến vai trò đồng sáng tạo của người đọc. Tiểu thuyết lịch sử đòi hỏi một loại người đọc nhất định, một người đọc có khả năng giải mã các tiền văn bản được dệt vào siêu văn bản. Muốn thế, người đọc

EDUCATION

phải chủ động tiếp cận với hệ thống tri thức lịch sử, văn hóa, xã hội mà tác phẩm kết nối và gợi mở. Lịch sử trong tiểu thuyết giờ đây không chỉ là khơi dậy niềm tự hào trước quá khứ đẹp đẽ của dân tộc mà nó còn mở ra, kết nối với những vấn đề của xã hội đương đại. Nhiệm vụ của người đọc là cụ thể hóa sự kết nối, biên những thông tin của lịch sử thành câu chuyện của chính cuộc sống hôm nay. Nếu không trang bị đủ những kiến thức và khả năng trên, người đọc sẽ khó có thể tiệm cận được ý nghĩa của tác phẩm văn học trong thực tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bakhtin M. (1992), *Lí luận và thi pháp tiểu thuyết* (Phạm Vĩnh Cư dịch), **Trường Viết văn Nguyễn Du, Hà Nội.**
2. Nguyễn Mộng Giác (1998), *Sông Côn mùa lũ*, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.
3. Hoàng Quốc Hải (2016), *Bão táp triều Trần*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
4. Hoàng Quốc Hải (2017), *Tám triều vua Lý*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
5. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (1993), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Giáo dục.
6. Nguyễn Xuân Khánh (2013), *Hồ Quý Ly*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
7. Thụy Khê (2018), *Phê bình văn học thế kỉ XX*, Nxb HNV, Hà Nội.
8. Trần Trọng Kim (2005), *Việt Nam sử lược*, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
9. Lưu Sơn Minh (2016), *Trần Khánh Dư*, Nxb Văn học, Hà Nội.
10. Nguyễn Hữu Nam (2011), *Huyền Trần*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội